

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 4 – ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2026/HS-ST
Ngày 28-05-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - ĐIỆN BIÊN, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Bích Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Kim Cúc

Ông Nguyễn Khắc Thiện

- Thư ký phiên tòa: ông Thiệu Tất Lơ – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa: bà Nguyễn Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28/05/2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 4 - Điện Biên, tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2026/TLST-HS ngày 10/4/2026, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2026/QĐXXST-HS ngày 08/5/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2026/HSST-QĐ ngày 19/05/2026 đối với bị cáo:

Họ và tên: Khoảng Ngọc V; Sinh ngày 16/03/2001 tại xã Pa H, tỉnh Điện Biên; Nơi cư trú: Bản Pa H, xã Pa H, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Khoảng Văn C (Sinh năm 1980) và bà Mào Thị V (Sinh năm 1982); Bị cáo chưa có vợ, con; tiền án: Không; tiền sự: Không; Nhân thân: Bị cáo chưa bị Tòa án kết tội, bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính 01 lần (Ngày 14/04/2022 bị Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời hạn 18 tháng, ngày 18/9/2023 chấp hành xong quyết định, đến ngày thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này đã được xóa tiền sự); Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 13/02/2026 cho đến nay. Có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo: ông Lường Văn Bình. Sinh năm 1983. Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên. Có mặt.

- Bị hại: Ông Lò Văn Ng, sinh năm 1964. Nơi cư trú: Bản Pa H, xã Pa H, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Khoảng Văn C, sinh năm 1980. Nơi cư trú: Bản Pa H, xã Pa H, tỉnh Điện Biên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 07/02/2026 Khoảng Ngọc V đi bộ từ nhà ở bản Pa H, xã Pa H, tỉnh Điện Biên đến khu đồi của bản Phong Châu, xã Pa H, tỉnh Điện Biên để bẫy chuột. Trên đường đi qua một khu rừng thuộc bãi nương của người dân, Khoảng Ngọc V nhìn thấy đàn dê có khoảng 07-08 con dê đang ăn cỏ. Do không thấy người trông coi nên Khoảng Ngọc V nảy sinh ý định trộm cắp dê để bán lấy tiền tiêu xài. V gọi dê bằng tiếng dân tộc Thái để cho dê ăn muối thì có 03 con dê chạy lại gần chỗ V, V liền dùng hai tay tóm lấy sừng 01 con dê đực màu đen, xám rồi dùng tay trái giữ một bên sừng, tay phải kéo lấy sợi rừng buộc vào hai sừng dê rồi buộc dê vào gốc cây, sau đó đi về nhà. Khoảng 07 giờ 30 phút ngày 11/02/2026 Khoảng Ngọc V đang ở nhà thì nghe thấy tiếng rao bán dê, bán chó ở ngoài đường. V chạy ra xem thì thấy một người đàn ông không rõ lai lịch, qua trao đổi người đàn ông đó đồng ý mua dê với V và V hẹn người đó đi xuống chân dốc nghĩa trang của bản Pa H, xã Pa H để giao dê. Sau đó V vào nhà lấy một đoạn dây thừng màu đỏ đường kính dài 0,5cm dài 2,33m đi ra chỗ cất giấu con dê, dùng dây buộc vào sừng rồi đi ra chỗ hẹn giao dê thì bị chủ sở hữu hợp pháp là ông Lò Văn N phát hiện, trình báo tố giác hành vi trộm cắp tài sản lên công an xã Pa H, tỉnh Điện Biên để giải quyết.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm: 01 con dê đực lông màu đen, xám; 01 đoạn dây thừng màu đỏ chiều dài 2,33 mét, đường kính 0,5cm thắt nút hai đầu; 01 đoạn dây rừng có chiều dài 2,59m, đường kính 01 cm, đầu dây có nút thắt hình tròn.

Tại Kết luận định giá tài sản số 02/KL-HĐ ĐGTS ngày 12/02/2026 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự xã Pa H kết luận: Một con dê đực có trọng lượng 24kg tổng giá trị của tài sản tại thời điểm định giá là 3.600.000 đồng (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Ngày 04/3/2026 Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu hợp pháp ông Lò Văn N 01 (một) con dê đực lông màu đen, xám theo Quyết định xử lý vật chứng số 1454/QĐ-CSHS ngày 04/3/2026. Ông N đã nhận lại con dê và không có yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự.

Bản Cáo trạng số 03E/CT-VKSKV4 ngày 08/4/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên truy tố Khoảng Ngọc V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà:

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố, phần luận tội đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo phạm tội: Trộm cắp tài sản. Về hình phạt đề nghị xử phạt bị cáo từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 5 Điều 173 đối với bị cáo. Về vật chứng: Đề nghị áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ Luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây rừng và 01 đoạn dây thừng màu đỏ;

Về trách nhiệm dân sự: Do bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Bị hại Lò Văn N vắng mặt tại phiên tòa, lời khai trong quá trình điều tra và theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt của ông N thể hiện: Ông N đã nhận lại con dê bị trộm cắp nên không có ý kiến gì nữa. Về trách nhiệm dân sự ông N không yêu cầu bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự. Về việc xử lý trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, ông N đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật. Ông N không có ý kiến khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Khoảng Văn C có ý kiến: Đoạn dây thừng là tài sản của ông để phục vụ cho lao động sản xuất, ông C không biết việc V sử dụng đoạn dây này để buộc và dắt dê đi bán. Ông C không yêu cầu trả lại đoạn dây mà đề nghị xử lý theo quy định pháp luật, ngoài ra không có yêu cầu bồi thường gì khác. Ông C không có ý kiến khiếu nại về quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng.

Người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến gì về hành vi và các Quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Nhất trí với Cáo trạng, lời luận tội của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, về xử lý vật chứng, việc miễn án phí và không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Về hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào tình tiết giảm nhẹ và nhân thân, hoàn cảnh phạm tội để xem xét xử phạt bị cáo ở mức 06 tháng tù.

Bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, nhất trí Cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận. Bị cáo không có ý kiến bổ sung vào Bản Luận cứ bào chữa, không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Khi nói lời sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của bị hại Lò Văn N: Bị hại đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đúng theo quy định. Trước khi mở phiên tòa ông Lò Văn N đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị cáo, người bào chữa, đại diện Viện kiểm sát đều nhất trí xét xử vắng mặt ông Lò Văn N. Xét thấy hồ sơ vụ án đã có đầy đủ lời khai, ý kiến của ông Lò Văn N, sự vắng mặt của ông N tại phiên tòa không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự quyết định xét xử vắng mặt ông Lò Văn N.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Qua tranh tụng công khai tại phiên tòa, có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định: Ngày 07/02/2026 Khoảng Ngọc V đã lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản khi chăn thả dê để lén lút dắt dê đi giấu khỏi sự quản lý của chủ sở hữu tài sản, đến ngày 11/02/2026 V dắt dê đi bán nhằm mục đích lấy tiền tiêu xài thì bị phát hiện. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với các Biên bản ghi lời khai, vật chứng thu giữ, Kết luận định giá tài sản, Kết luận điều tra, Cáo trạng truy tố, phù hợp với lời khai của những người tham gia tố tụng khác và các tài liệu, chứng cứ khác có trong

hồ sơ vụ án. Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, không có chứng cứ chứng minh bị cáo không phạm tội. Do đó có đủ cơ sở để kết luận: Hành vi trộm cắp con dê trị giá 3.600.000 đồng của Khoảng Ngọc V đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự quy định: “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...*”

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo: Bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội không lớn. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự xã hội của địa phương. Xét thấy cần phải xử phạt bị cáo với hình phạt nghiêm minh, phù hợp và tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội để giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo:

Bị cáo chưa bị Tòa án kết tội, từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính 01 lần (đã được xóa tiền sự). Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo đều thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; bị cáo có bà nội là Lò Thị Hường Nhà nước tặng thưởng huân chương kháng chiến chống Mỹ hạng Ba. Do đó, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa về việc áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Về hình phạt đối với bị cáo: Từ tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời hạn nhất định để bị cáo cải tạo bản thân đồng thời răn đe, phòng ngừa tội phạm nói chung. Tuy nhiên việc áp dụng hình phạt tù cũng phải thể hiện tính khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội đã ăn năn, hối cải. Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo Khoảng Ngọc V từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù, người bào chữa cho bị cáo đề nghị xử phạt bị cáo 06 (sáu) tháng tù. Xét thấy bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội bị phát hiện kịp thời nên đã thu hồi được tài sản cho bị hại và không gây thiệt hại khác về tài sản. Bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ theo quy định lần lượt tại điểm i, s, khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử thấy rằng mức hình phạt theo đề nghị của người bào chữa là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội và đủ để cải

tạo, giáo dục bị cáo, đồng thời thể hiện sự khoan hồng của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về mức hình phạt đối với bị cáo chưa thật sự phù hợp với tính chất, mức độ, nhân thân và hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự thì: “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng*”. Nhưng theo Biên bản xác minh của Cơ quan cảnh sát điều tra cho thấy hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo khó khăn, nghề nghiệp của bị cáo là nông nghiệp nên không có khả năng thi hành hình phạt bổ sung (Bút lục số 48). Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa về việc không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Các vấn đề liên quan đến vụ án:

- Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị mất và không yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cũng không có ý kiến, yêu cầu bồi thường về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Đối với người đàn ông mà bị cáo khai đã trao đổi về việc mua bán dê do cơ quan điều tra không xác minh được lý lịch nên không đủ cơ sở để xử lý. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với đoạn dây rừng chiều dài 2,59 m, đường kính 01 cm và đoạn dây thừng màu đỏ chiều dài 2,33m, đường kính 0,5 cm đều là vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ Luật Hình sự, điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, người bào chữa, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Khoảng Văn C về việc xử lý đối với các vật chứng nêu trên là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn đề nghị miễn án phí. Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ Luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát và bị cáo, người bào chữa về việc miễn án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Công an xã Pa H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 – Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm a, c khoản 2 Điều 106; khoản 2 Điều 136; khoản 1 Điều 331, khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Khoảng Ngọc V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Khoảng Ngọc V 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13/02/2026.

3. Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 01 đoạn dây rừng chiều dài 2,59m, đường kính 01 cm và 01 đoạn dây thừng màu đỏ chiều dài 2,33m, đường kính 0,5cm.

(Đặc điểm, tình trạng vật chứng theo như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 09/4/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 – Điện Biên, tỉnh Điện Biên).

4. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

5. Về quyền kháng cáo:

- Bị cáo có quyền kháng cáo bản án và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Khoảng Văn C có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 28/5/2026).

- Bị hại Lò Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Phòng GD KT, TT & THA TA Tỉnh DB;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- VKSND khu vực 4- Điện Biên;
- Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Điện Biên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Phân trại tạm giam Na Sang;
- PC 10 (THAHS) Công an tỉnh Điện Biên;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Điện Biên;
- Công an xã Pa H, tỉnh Điện Biên;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có QLNVLQ;
- Người bào chữa;
- Hồ sơ THAHS;
- Lưu hồ sơ VA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Bích Thảo

